

CHUYÊN DỊCH KHÔNG GIAN CƯ TRÚ CỦA CƯ DÂN VĂN HÓA PHÙNG NGUYÊN

HOÀNG VĂN DIỆP*

Môi trường và ngoại cảnh có ý nghĩa lớn trong sự hình thành và phát triển của một nền văn hóa, đặc biệt là các nền văn hóa thời kỳ Tiền Sơ sử khi con người còn phụ thuộc nhiều vào môi trường tự nhiên. Những thách thức từ môi trường tự nhiên buộc con người phải tìm cách ứng phó, thích nghi. Sự thích nghi, ứng phó đó tạo nên sự thay đổi về diện mạo văn hóa ở từng cộng đồng người trên từng nền cảnh sinh thái khác nhau.

Từ luận điểm thách thức và ứng phó, bài viết này khảo cứu lại sự chuyên dịch địa bàn cư trú của các cư dân văn hóa Phùng Nguyên bằng việc xem xét vị trí và xu thế phân bố của các di tích trong mỗi liên hệ lịch đại. Từ đó cố gắng làm rõ sự chuyển biến về môi trường và tác động của sự chuyển biến đó đối với đời sống các cư dân Tiền - Sơ sử. Đồng thời thử phục dựng lại môi trường cổ dựa trên các tài liệu của các nhà nghiên cứu đi trước để kiến giải quá trình thích nghi của các cư dân văn hóa Phùng Nguyên ở châu thổ sông Hồng.

1. Dữ liệu từ các di tích khảo cổ

Nguồn tư liệu đầu tiên cho nghiên cứu này là số liệu từ các di tích khảo cổ, trong đó bao gồm cảnh quan, niên đại của di tích để từ đó phân tích quá trình chuyển biến về địa bàn phân bố theo thời gian. Văn hóa Phùng Nguyên là một văn hóa khảo cổ được các nhà khảo cổ học Việt Nam phát hiện và xác lập, từ khi phát hiện cho đến nay đã trải qua 60 năm phát hiện và nghiên cứu. Nội hàm của văn hóa Phùng Nguyên về cơ bản đã được làm rõ. Các nhà nghiên cứu đã xác lập 3 giai đoạn phát triển của văn hóa Phùng Nguyên đó là giai đoạn Phùng Nguyên sớm, giai đoạn Phùng Nguyên cổ điển và giai đoạn Phùng Nguyên muộn, nghiên cứu này sử dụng cách phân chia ba giai đoạn như trên và kế thừa việc phân chia các di tích vào các giai đoạn phát triển của các nhà nghiên cứu đi trước.

- Các di tích có niên đại sớm của văn hóa Phùng Nguyên

Các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên sớm phát hiện không nhiều, cho đến nay có một số di tích được xếp vào giai đoạn sớm của văn hóa Phùng Nguyên bao gồm: Gò Bông, Đổng Chỗ, Gò Hện, Thành Dền, Xóm Rền (Hán Văn Khấn 2005).

* Đại học KHXH & NV, ĐH Quốc gia Hà Nội

Di tích Gò Bông, thuộc xã Thượng Nông, huyện Tam Nông tỉnh Phú Thọ, phân bố trên một quả đồi cao lớn, vị trí phát hiện tầng văn hóa cao hơn so với xung quang khoảng 3 - 8m, điểm cao nhất từ 13 - 15m, cao hơn so với mực nước biển 21m, xung quanh di tích là một khu vực phân bố dày đặc các gò đồi cao san sát nhau. Di tích nằm ở khu vực địa hình chuyển tiếp giữa khu vực đồi gò và đồng bằng. Đây là một di tích có một tầng văn hóa dày, thuần nhất, di vật đá đặc trưng bởi riu bốn tứ giác có kích thước nhỏ, đồ gốm đa dạng phong phú đặc biệt có sự xuất hiện của gốm xốp và các đồ gốm cao cấp được khảm thêm chất bột trắng ở rãnh hoa văn. Gò Bông có những đặc điểm sớm hơn cả Xóm Rền và Đồng Chỗ.



Hình 1. Đặc điểm cảnh quan khu vực Gò Bông (Nguồn: Google earth)

Di tích Gò Hện, thuộc thôn Nhuận Trạch, xã Vạn Thắng, huyện Ba Vì, Hà Nội, phân bố trên một quả đồi cao hơn mặt ruộng xung quanh từ 2 - 5m. Xung quanh Gò Hện là một hệ thống các gò lớn nhỏ hình bát úp nối tiếp nhau. Các cuộc khai quật và nghiên cứu ở đây cho thấy Gò Hện là một di tích có một tầng văn hóa, nhưng bị xáo trộn một phần, trong tầng văn hóa không phát hiện các dạng di tích đặc biệt. Đồ đá đồ gốm đều mang đặc trưng của văn hóa Phùng Nguyên có nhiều nét tương đồng với Gò Bông.



Hình 2. Đặc điểm cảnh quan khu vực Gò Hện (Nguồn: Google earth)

Di tích Đồng Chỗ, nằm trên một khu đất cao thuộc xã Phú Phương, huyện Ba Vì, Hà Nội, được nghiên cứu từ những năm 1971 - 1973, tầng văn hóa thuần nhất, dày khoảng 70cm. Những người khai quật cho rằng Đồng Chỗ giống Gò Hện. Do đó, Đồng Chỗ được xếp vào giai đoạn sớm của văn hóa Phùng Nguyên.

Di tích Xóm Rền, thuộc xã Gia Thanh, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ, đây là một di tích đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu khảo cổ học Việt Nam với địa tầng dày, di vật đặc sắc và phong phú. Xóm Rền có tầng văn hóa dày trên dưới 2m, là một di tích tiêu biểu của văn hóa Phùng Nguyên với hai giai đoạn phát triển liên tục là Phùng nguyên sớm và Phùng Nguyên cổ điển. Trong đó ở giai đoạn sớm của Xóm Rền có sự xuất hiện của các loại hình đồ gốm cao cấp có chất bột trắng giống với Gò Bông.



Hình 3. Đặc điểm cảnh quan khu vực Xóm Rền (Nguồn: Google earth)

Các di tích khảo cổ học kể trên về cơ bản có những đặc điểm khá tương đồng về địa tầng, di tích, di vật để có thể xếp vào giai đoạn sớm của văn hóa Phùng Nguyên. Những đặc điểm đó là phổ biến các công cụ sản xuất bằng đá có kích thước vừa và nhỏ, chất liệu phổ biến là đá ngọc, spilit... Đồ gốm có những đặc điểm như có phủ chất bột trắng, chất liệu gốm mịn, phổ biến hoa văn khắc vạch trên nền thừng, hoa văn khắc vạch khá phóng khoáng và đôi khi tùy tiện.

Có thể thấy có một đặc điểm chung về môi trường cảnh quan xung quanh các di tích này là: phân bố trên các khu gò cao, khá gần các con sông lớn, xung quanh di tích là các đồi gò hình bát úp phân bố liên tiếp, nối liền với nhau, dưới chân gò là những khoảng đất trũng bằng phẳng. Như vậy, ở giai đoạn sớm, môi trường sinh thái mà các cư dân phải thích nghi đó là môi trường sinh thái đồi gò. Các đồi gò gần các sông lớn và khi lũ lên xung quanh thường bị ngập lụt và các gò nổi lên như một ốc đảo.



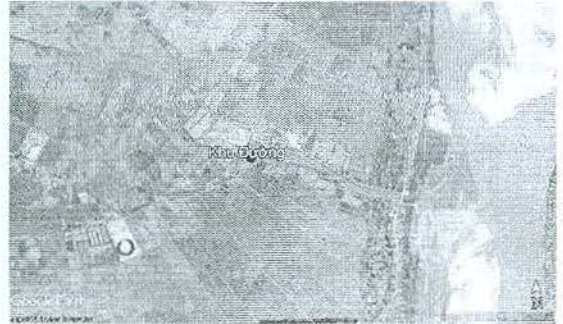
Hình 4. Đặc điểm cảnh quan khu vực Phùng Nguyên (Nguồn: Google earth)

- Các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên cổ điển

Các di tích giai đoạn này có sự tăng lên về số lượng cũng như mở rộng khu vực phân bố. Trong số đó, có thể kể đến như Phùng Nguyên, Khu Đường, Gò Đồng Xấu, Xóm Rền (lớp trên), An Đạo, Gò Chùa, Thọ Sơn, Ô Rô, Đồi Giám, Đôn Nhân, Đồng Gai... Dưới đây xin điểm lại một số di tích tiêu biểu cho giai đoạn này.

Di tích Phùng Nguyên, thuộc xã Kinh Kệ, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Đây là di tích được khai quật với diện tích lớn nhất từ trước đến nay của văn hóa Phùng Nguyên. Tổng diện tích khai quật là hơn 4.000m². Kết quả khai quật cho thấy đây là di tích có một tầng văn hóa thuần nhất, tầng văn hóa mỏng. Từ bề mặt sinh thổ có rất nhiều các hố/lỗ đất đen có kích thước khác nhau phân bố dày đặc, trong đó có những hố đất đen hình vuông/hình chữ nhật với vách thẳng đứng ăn sâu xuống sinh thổ. Di tích Phùng Nguyên nằm trên nền phù sa cổ với thêm phù sa rộng lớn. Xung quanh di tích là những cánh đồng rộng lớn, và các đồi gò thấp. Bản thân di tích Phùng Nguyên cũng nằm trên hai quả gò thấp có tên là Gò Ếch và Gò Nhà Giã, nhưng cao độ của gò này so với xung quanh là không đáng kể.

Di tích Khu Đường, thuộc xã Vĩnh Lại, huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, đã được khai quật nhiều lần, chủ yếu bởi Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (trước đây là Đại học Tổng hợp Hà Nội). Kết quả khai quật tại Khu Đường cho thấy, đây là một di tích có một tầng văn hóa mỏng, có nhiều hố đất đen, trong đó có những hố đất đen hình vuông/chữ nhật có vách thẳng đứng ăn sâu xuống sinh thổ. Về đặc điểm địa hình, môi trường cảnh quan, Khu Đường khá giống với Phùng Nguyên, là một di tích nằm trên phù sa cổ, bao quanh bởi cánh đồng rộng lớn.



Hình 5. Đặc điểm cảnh quan khu vực Khu Đường
(Nguồn: Google earth)

Di tích Nghĩa Lập, thuộc xã Nghĩa Hưng, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, nằm trên một gò đất thấp, cao hơn mặt ruộng xung quanh khoảng 1 - 1,5m. Là một di tích có một tầng văn hóa mỏng, sinh thổ có nhiều hố đất đen đa dạng về kích thước và có những hố đất đen vuông vắn, vách thẳng đứng.

Có thể thấy các di tích được xếp vào giai đoạn Phùng Nguyên cổ điển, ngoài các di tích tiếp tục phát triển từ giai đoạn sớm thì các di tích mới của giai đoạn này đã bắt đầu lan rộng theo dòng chảy các con sông và chiếm lĩnh các khu vực đất đai có địa hình ít đồi núi và thấp hơn, phân bố gần với các con sông hơn ở giai đoạn trước. Địa hình của các di tích giai đoạn này là đồi gò thấp - đồng bằng. Các yếu tố mới về đồ gốm, đồ đá được hình thành, đặc biệt là sự xuất hiện của nha chương - một loại hình di vật đặc sắc của văn hóa Phùng Nguyên.

- Các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên muộn.

Số lượng di tích giai đoạn này được phát hiện khá nhiều, tiêu biểu có thể kể đến như di tích Lũng Hòa, di tích Đồng Đậu (lớp dưới), Đình Trảng (lớp dưới), Đồi Đồng Đậu (lớp dưới), Gò Diên, Gò Rê, Chùa Gio, Phụng Hoàng, Bãi Mèn, Đình Chiền, Tiên Hội, Xuân Kiều... Đến giai đoạn này, về đồ gốm có sự biến đổi so với giai đoạn trước, loại gốm rất mịn, phong cách trang trí hoa văn phóng khoáng,



Hình 6. Đặc điểm cảnh quan khu vực Lũng Hòa
(Nguồn: Google earth)

hoa văn khắc vạch trên nền thừng gần như mất hẳn; gồm tương đối mịn có hoa văn với bố cục chặt chẽ, quy chuẩn xuất hiện (Hán Văn Khấn 2005). Dưới đây xin cung cấp thông tin về một số di tích tiêu biểu.

Di tích Lũng Hòa, thuộc xã Lũng Hòa, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, là di tích có một tầng văn hóa mỏng và có nhiều hố đất đen lớn đào sâu xuống sinh thổ. Những đặc trưng của di tích khiến Lũng Hòa được chọn để đặt tên cho giai đoạn muộn của văn hóa Phùng Nguyên. Ở đây, bên cạnh những đồ gốm đặc trưng cho văn hóa Phùng Nguyên, đã bắt đầu có những yếu tố mới mà sau này phát triển nở rộ ở văn hóa Đông Đậu. Về cảnh quan cư trú, di tích Lũng Hòa nằm trên một gò thấp, diện tích bề mặt gò lớn, nằm ngay bên cạnh sông Phan, rất thích hợp cho việc canh tác nông nghiệp lúa nước.

Di tích Đông Đậu có nhiều lớp văn hóa, trong đó có lớp sớm mang đặc trưng kế thừa từ văn hóa Phùng Nguyên và có những đặc điểm tương đồng với di tích Lũng Hòa, do đó các nhà nghiên cứu xếp lớp này của di tích Đông Đậu vào văn hóa Phùng Nguyên muộn, tương đương với Lũng Hòa. Trong lớp sớm của di chỉ Đông Đậu cũng có nhiều hố đất đen vuông vắn, cạnh thẳng đứng được đào sâu xuống sinh thổ. Về cảnh quan, Đông Đậu là một khu gò có diện tích lớn, xung quanh có những gò nhỏ và đồng bằng rộng, ngày nay là những cánh đồng lúa.



Hình 7. Đặc điểm cảnh quan khu vực Đông Đậu
(Nguồn: Google earth)

Di tích Đình Tràng, thuộc xã Dục Tú, huyện Đông Anh, Hà Nội. Là di tích có nhiều tầng văn hóa phát triển liên tục từ Phùng Nguyên cho đến Đông Sơn, trong đó, lớp sớm của di tích này thuộc giai đoạn Phùng Nguyên muộn. Cùng với Đông Đậu, Đình Tràng là minh chứng cho tính phát triển liên tục của các di tích thời đại Kim khí ở châu thổ Bắc Bộ. Đình Tràng nằm ở khu vực xung quanh là những cánh đồng lúa trũng thấp.



Hình 8. Đặc điểm cảnh quan khu vực Đình Tràng
(Nguồn: Google earth)

Di tích Văn Điển, nằm trong khu nghĩa trang Văn Điển, thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội, đây có thể xem là di tích xa nhất của văn hóa Phùng Nguyên về phía hạ lưu sông Hồng mà khảo cổ học Việt Nam phát hiện được cho đến nay. Cùng với Triều Khúc, Văn Điển là những di tích phân bố ở khu vực trũng, thấp của Hà Nội.

Về tổng thể, các di tích thuộc giai đoạn Phùng Nguyên muộn có chiều hướng tiến về phía hạ châu thổ, các di tích phần lớn nằm ở khu vực có đồng bằng rộng lớn bao quanh.

Phân tích đặc điểm các di tích theo giai đoạn phát triển của văn hóa Phùng Nguyên có thể tổng quát lại như bảng dưới đây (Bảng 1):

Bảng 1. Đặc điểm di tích/di vật theo giai đoạn phát triển của văn hóa Phùng Nguyên

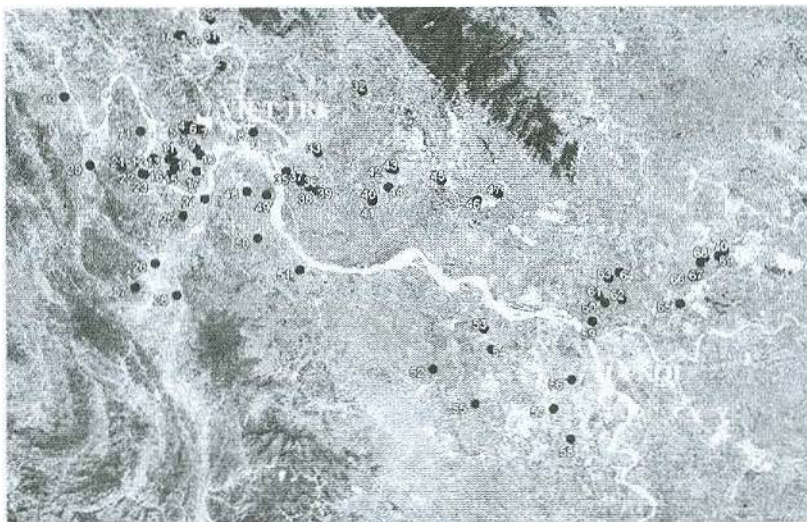
Giai đoạn	Di tích	Cảnh quan	Di tích/di vật
Phùng Nguyên sớm	Gò Bông	Đồi cao	Đồ đá, đồ gốm, ri đồng
	Đồng Chồ	Đồi cao	Đồ đá, đồ gốm
	Gò Hện	Đồi vừa	Đồ đá, đồ gốm
	An Đạo	Đồi cao	Đồ đá, đồ gốm
	Thành Dền	Đồi cao	Đồ đá, đồ gốm
	Xóm Rền (Lớp sớm)	Đồi cao	Đồ đá, đồ gốm
Phùng Nguyên cổ điển (Giai đoạn Phùng Nguyên)	Phùng Nguyên	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, nha chương, hồ đất đen
	Khu Đường	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, qua đá, hồ đất đen
	Gò Đồng Sấu	Đồi cao	Đồ đá, đồ gốm
	Xóm Rền (Lớp muộn)	Đồi cao	Đồ đá, đồ gốm, nha chương
	Gò Chùa	Đồi vừa	Đồ đá, đồ gốm
	Thọ Sơn	Đồi vừa	Đồ đá, đồ gốm
	Ô Rô	Đồi vừa	Đồ đá, đồ gốm
	Đồi Giâm	Đồi vừa	Đồ đá, đồ gốm
	Đôn Nhân	Đồi thấp	Đồ đá, đồ gốm
	Đồng Gai	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm
Nghĩa Lập	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, hồ đất đen	
Phùng Nguyên muộn (Giai đoạn Lũng Hòa)	Lũng Hòa	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, qua đá, hồ đất đen
	Gò Hội	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, hồ đất đen
	Đồng Đậu (Lớp sớm)	Đồi thấp	Đồ đá, đồ gốm, gạo cháy
	Gò Diên	Đồi cao	Đồ đá, đồ gốm
	Gót Rẽ	Đồi thấp	Đồ đá, đồ gốm
	Chùa Gio	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, hồ đất đen
	Phượng Hoàng	Núi đá giữa đồng bằng	Đồ đá, đồ gốm
	Bãi Mèn	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm
	Đình Chiên	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, hồ đất đen
	Tiên Hội	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, hồ đất đen
	Xuân Kiều	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, gạo cháy
	Đình Trảng (Lớp sớm)	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm
	Gò Cây Táo	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm
	Văn Diên	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm
	Đồng Vòng	Đồng cao	Đồ đá, đồ gốm, gạo cháy

Qua thống kê, phân tích trên, có thể nhận thấy một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, dù không toàn bộ nhưng có thể nhận thấy một xu hướng dịch chuyển về địa bàn cư trú và cảnh quan sinh thái, từ thượng châu thổ dịch dần về phía hạ châu thổ sông Hồng. Về địa hình, cảnh quan khu vực cư trú, có sự chuyển dần từ đồi gò cao sang đồi gò thấp - đồng bằng và sau cùng là chiếm lĩnh khu vực đồng bằng.

Thứ hai, có sự tăng lên về số lượng di tích và mở rộng khu vực phân bố qua các giai đoạn phát triển. Từ chỉ có số ít các di tích có niên đại sớm phân bố rải rác ở các đồi gò cao, đến giai đoạn giữa mở rộng ở khu vực trung du thượng châu thổ, đến giai đoạn muộn đã tiến xuống chiếm lĩnh khu vực đồng bằng trũng thấp.

Thứ ba, có sự xuất hiện của những yếu tố mới trong nội hàm văn hóa. Bên cạnh những loại hình di tích/di vật thường thấy thì theo tiến trình phát triển có những biến thái đáng ghi nhận. Ví như, ở giai đoạn Phùng Nguyên cổ điển xuất hiện nha chương đá (Xóm Rền, Phùng Nguyên), giai đoạn muộn xuất hiện qua đá (Khu Đường, Lũng Hòa, Vườn Chuối). Về di tích, các hồ đất đen hình vuông, hình chữ nhật có vách thẳng đứng chủ yếu xuất hiện trong các di tích Phùng Nguyên muộn, và cũng trong giai đoạn này, có nhiều di tích tìm được cả những hạt gạo cháy. Sự xuất hiện của những hạt gạo cùng với cảnh quan của di tích cho phép chúng ta suy đoán về sự phát triển đáng kể của nghề nông trồng lúa nước ở châu thổ sông Hồng.



Hình 9. Phân bố các di tích văn hóa Phùng Nguyên

(Thực hiện trên bản đồ nền của Google earth)

Chú thích: 1- Xóm Rền, 2-An Đạo, 3-Gò Sành, 4-Gò Da, 5-Gò Ghệ, 6-Gò Thờ, 7-Gò Đồng Sầu, 8-Đồi Giám, 9-Gò Chúa Cao, 10-Thành Dền (Cao Xá), 11-Gò Miếu, 12-Phùng Nguyên, 14- Xóm Kiều, 15-Gót Rê, 16- Gò Ma Nguồn, 17-Khu Đường, 18-Gò Diên, 19-Gò Chùa (Tĩnh Cương), 21-Gò Ché, 22-Thọ Sơn, 23- Gò Chùa (Hương Nộn), 24-Hồng Đà, 25-Gò Bông, 26-Ồ Rô, 27-Gò Cháy, 29-Gò Hội, 30-Gò Đặng, 31-Gò Soi, 32-Đại Đình, 33- Nghĩa Lập, 34-Gò Duông, 35-Lũng Hòa, 36-Gò Mát, 37-Gò Đồng Cù, 38-Đồng Hương, 39-Ma Cả, 40-Gò Chùa Biện Sơn, 41-Đồng Đậu, 42-Gò Mã Hòn, 43-Quán Đồi, 44-Đồng (Gò) Gai, 45-Gò Ngành, 46-Tháp Miếu, 47-Núi Xây, 48-Gò Hện, 49-Đồng Chỗ, 50-Đồi Đồng Đậu, 52-Phượng Hoàng, 53-Kim Ngọc, 54- Vườn Chuối, 55-Chùa Gio, 56-Dàn Xã Tắc, 57-Gò Cây Táo, 58-Vân Điển, 59-Tiên Hội, 60-Bãi Mèn, 61-Đồng Vông, 62-Dinh Tráng, 63-Xuân Kiều, 64-Dinh Chiền, 65-Phù Lưu, 66-Bãi Tự, 67-Thùng Lò, 68-Lũng Sơn, 69-Chùa Lái, 70-Đồng Bạch, 71-Gò Non Sầu.

2. Dữ liệu cổ địa chất

Cùng với những nghiên cứu khảo cổ học, các nghiên cứu về địa chất cổ đã chỉ ra nhiều bằng chứng quan trọng trong việc nhận thức quá trình hình thành các vùng đất cổ. Dựa vào những bằng chứng địa chất học, Hoàng Ngọc Kỳ đã chứng minh có một đợt biển tiến đột biến, một tai biến địa chất vào giai đoạn cuối của biển tiến Hải Hưng, có niên đại gần như trùng khớp với niên đại tồn tại của văn hóa Phùng Nguyên. Phát hiện này căn cứ vào thực vật và động vật hữu lớn có niên đại 5680 đến 5550 năm trước được phát hiện ở Ba Thê (An Giang) và Quán Hâu ở Văn Lâm (Hưng Yên), đều bị chôn vùi dưới lớp sét biển và dưới vết mài mòn bởi sóng biển hình chữ V nằm ngang trên vách đá phát hiện dọc theo bờ biển Việt Nam ở độ cao +3,5m. Bằng chứng rõ ràng nhất là trong mặt cắt địa tầng địa chất được nghiên cứu vào năm 1977 trong một hố khai thác sét sản xuất gạch ngói ở Gia Lộc, Hải Dương, các nhà nghiên cứu địa chất đã phát hiện thân cây dừa nước bị chôn vùi tại chỗ còn nguyên vẹn dưới lớp sét mịn dày ở độ sâu 3m, được xác định tuổi bằng phương pháp Carbon phóng xạ cho tuổi là 4115 ± 50 năm BP (Hiệu chỉnh là 2876 - 2570 Cal.BC). Đây được coi là niên đại khởi đầu của biển tiến đột biến Holocene trung - muộn, đây không phải là một đợt biển tiến từ từ mà tiến đột ngột từ -2m so với ngày nay lên độ cao +3,5m và tồn tại cho đến 3100 ± 80 năm BP (Hiệu chỉnh là 1529 - 1125 Cal.BC), sau đó biển bắt đầu thoái (niên đại 3100 ± 80 dựa trên niên đại ^{14}C của vỏ hữu nhỏ được thu thập ở vết tích bị mài mòn bởi sóng biển hình chữ V nằm ngang ở độ cao +3,5m ở Kiên Giang - được coi là niên đại muộn nhất của đợt biển tiến này) (Hoàng Ngọc Kỳ 2010: 278 - 285). Dưới tác động của biển tiến đột biến, diện tích của châu thổ Bắc Bộ bị thu hẹp, trầm tích các dòng sông không đẩy ra xa được, các con sông bị cân bằng dòng chảy, quá trình stopping diễn ra làm tăng diện tích khu vực ngập nước và tăng tốc độ thành tạo các trầm tích ở các dòng chảy, vì vậy, con người phải chọn nơi cư trú là những khu vực đồi cao. Sau khi biển thoái, các khu vực trước đây vốn ngập nước trở thành những khu vực đất đai màu mỡ, bằng phẳng, tạo ra điều kiện thuận lợi cho các nhóm cư dân cư trú, lập làng mới. Sau giai đoạn biển thoái các cư dân văn hóa Phùng Nguyên đã lan tỏa và chiếm lĩnh dần các khu vực đất đai thấp hơn.

Nghiên cứu của Doãn Đình Lâm công bố năm 2001, mặc dù không nhắc đến giai đoạn biển tiến đột biến như nghiên cứu của Hoàng Ngọc Kỳ, nhưng đều nhận định rằng trong phạm vi đồng bằng Bắc Bộ, biển tiến Flandrian đã đạt mức cao nhất trong khoảng thời gian từ 5.000 - 6.000 năm trước với mức nước dâng lên cực đại đạt từ +5 - +6 m a.d, sau đó rút xuống từ từ theo hình sin. Sau 6.000 năm trước có những pha biển tiến biển thoái xen kẽ theo mô hình con lắc đơn tắt dần, đáng chú ý trong giai đoạn 4100 đến 4050 năm trước là giai đoạn nước biển dâng với độ cao ngắn biển là 4,5 - 4,9m tốc độ dâng của nước biển đạt đến 9mm/năm (Doãn Đình Lâm, W.E.Boyd 2001: 86 - 91).

Nghiên cứu của Trần Đức Thạnh, công bố năm 1991 đã chứng minh ở ven biển Đông Bắc, sau khi đạt mức cực đại 5-6m vào Holocene giữa, mực nước biển hạ thấp hẳn dưới mức 0 hiện tại rồi sau đó dâng cao trở lại và đạt mức cực đại 3 - 3,5m vào Holocene muộn (Trần Đức Thạnh 1991: 48 - 53).

Tanabe và cộng sự khi nghiên cứu sự tiến hóa của trầm tích Holocene ở châu thổ sông Hồng cũng ghi nhận mực nước biển dâng cao đến mức 2 - 3m so với hiện tại vào khoảng từ 6.000 - 4.000 năm trước, sau đó nước biển rút dần (Tanabe et al. 2006).

Những nghiên cứu về địa chất mặc dầu còn đôi chỗ còn chưa thống nhất giữa các nhà nghiên cứu, nhưng đều ghi nhận những đợt biển tiến lớn vào sâu trong châu thổ sông Hồng hiện tại, làm diện tích đồng bằng bị thu hẹp lại. Đặc biệt là trong giai đoạn sớm của văn hóa Phùng Nguyên có thể tương đương với một giai đoạn biển tiến sâu vào đất liền, sau đó là các pha biển tiến biển lùi xen kẽ theo mô hình con lắc đơn giảm dần. Đồng bằng sau biển tiến được hình thành nhưng ở giai đoạn đầu chắc chắn vẫn chưa thể sinh sống được do còn trũng thụt, lầy lội, các đầm hồ còn nhiều. Sau khi biển lùi dần, trải qua thời gian các vùng đất ấy trở nên khô ráo và thuận lợi cho canh tác nông nghiệp. Vì lẽ đó mà chúng ta có thể nhận thấy xu hướng dịch chuyển dần về hạ châu thổ từ các di tích Phùng Nguyên sớm đến Đồng Đậu và lan tỏa mạnh mẽ ở giai đoạn Gò Mun và Đông Sơn. Điều đó cũng giúp chúng ta giải thích sự vắng mặt của các di tích tiền Đông Sơn ở khu vực thuộc hạ châu thổ sông Hồng như Hưng Yên, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình...

3. Dữ liệu cổ sinh thái

Ở châu thổ sông Hồng qua tài liệu 2 lỗ khoan VN và GA của nhóm các nhà nghiên cứu Lizh, Saito Y, Quang Lan Vu, trên cơ sở phân tích và nghiên cứu sự biến đổi của các phổ phân hoa theo thời gian các tác giả đã rút ra những biến đổi về khí hậu của châu thổ sông Hồng trong giai đoạn tồn tại của các văn hóa tiền Đông Sơn (Li.Zhen et al. 2006: 4 - 28). Trong khoảng thời gian 4.530 - 3.340 năm BP, khí hậu lạnh ẩm; trong khoảng 3.340 - 2.100 năm BP, khí hậu nóng khô; và trong khoảng 2.100 - 1.720 năm BP, khí hậu lạnh ẩm.

Các nhà nghiên cứu khi nghiên cứu quần động vật và thực vật phát hiện ở di chỉ Đồng Đậu qua tư liệu các cuộc khai quật năm 1965, 1967, 1968 đã phát hiện ra có sự thay đổi về quần động, thực vật qua thời gian. Giai đoạn tương đương với Phùng Nguyên muộn về thực vật có lúa, trám, na, về động vật có voi, lợn rừng, hươu, nai, chó, cá trắm, một số cá loại cá nhỏ, lợn nhà. Trong đó các động vật hoang chiếm đa số như lợn rừng, hươu, nai, cá, lợn nhà chiếm tỉ lệ thấp. Sang đến giai đoạn Đồng Đậu, và đặc biệt là giai đoạn Gò Mun tỉ lệ xương răng lợn nhà và lợn non có sự tăng lên đáng kể về tỉ lệ. Dựa vào dấu tích động thực vật ở đây các nhà nghiên cứu cho rằng hàng ngàn năm trước ở khu vực Đồng Đậu là những khu rừng thưa, những rừng cây bụi xen lẫn xa van và đôi cỏ (Trần Văn Bảo và cộng sự 1970: 133- 139).

Nguyễn Thị Mai Hương trong khi nghiên cứu các bào tử phân hoa ở các di tích thời đại Kim khí đã nhận thấy rằng hệ thực vật ở châu thổ sông Hồng thời đại Kim khí là sự kết hợp giữa các loại cây cỏ, cây bụi và rừng nguyên sinh, một số di chỉ có điều kiện môi trường là đầm lầy và chịu ảnh hưởng của yếu tố biển (Nguyễn Thị Mai Hương và cộng sự 2007: 32 - 4).

Phần lớn các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng trong giai đoạn tiền Đông Sơn, khí hậu miền Bắc Việt Nam không có sự thay đổi đột ngột, nhưng vẫn luôn có biến đổi dần, sự thay đổi này có tính chu kỳ lên xuống của nhiệt độ và độ ẩm không khí. Những sự thay đổi này chắc chắn có ảnh hưởng đến phương thức sống của những cư dân cổ tiền Đông Sơn ở châu thổ sông Hồng.

4. Nhận xét và thảo luận

Các di tích văn hóa Phùng Nguyên theo những dữ liệu hiện tại cho thấy có xu hướng dịch chuyển dần từ phía thượng châu thổ xuống hạ châu thổ sông Hồng theo thời gian. Sự dịch chuyển đó gắn liền với sự thay đổi về cảnh quan cư trú, càng về sau càng chiếm lĩnh các

khu vực trũng thấp hơn. Điều đó càng rõ ràng nếu xem xét sự chuyển dịch về địa bàn cư trú từ văn hóa Phùng Nguyên sang văn hóa Đông Đậu.

Nguyên nhân và động lực của quá trình dịch chuyển đó là gì? Đây là một câu hỏi khó trả lời một cách thỏa đáng trong điều kiện tư liệu hiện nay. Thông qua những bằng chứng về địa chất, cổ sinh thái học và quan trọng nhất là tư liệu khảo cổ học hiện nay chúng ta có thể hình dung và giải thích quá trình chuyển biến đó như một giả thuyết nghiên cứu.

Ở giai đoạn sớm các di tích văn hóa Phùng Nguyên chỉ tập trung ở các khu vực có đồi gò cao gần các nguồn nước, sơ dĩ như vậy vì khi đó nước biển còn cao, các dòng chảy bị cân bằng tạo nên các vùng ngập nước rộng lớn. Sau đó từ khoảng 5000 năm trước nước biển rút dần, các khu vực ngập nước trước kia bắt đầu lộ ra, thêm một khoảng thời gian nữa những khu vực đó trở nên khô ráo và con người bắt đầu có thể tiếp cận được. Cùng với sự mở rộng về quy mô dân số và khu vực khai thác thức ăn, người Phùng Nguyên bắt đầu mở rộng địa bàn cư trú của mình theo quá trình hình thành của đồng bằng tré. Các yếu tố mới về vật chất, tinh thần được hình thành từ những yếu tố nội sinh, ngoại sinh và quá trình thích nghi với môi trường sinh thái. Biến động theo chu kỳ của khí hậu có thể cũng dẫn đến các mô thức cư trú mới, mà các hố đất đen có kích thước lớn với vách được đào thẳng đứng trong các di tích thuộc giai đoạn muộn của văn hóa Phùng Nguyên có thể là một dạng thức đề thích nghi với sự thay đổi của khí hậu. Đặc biệt sự xuất hiện các vết tích các hạt gạo cháy trong một số các di tích Phùng Nguyên muộn có thể là dấu hiệu xuất hiện nông nghiệp trồng lúa, sau đó được phát triển mạnh mẽ trong văn hóa Đông Đậu. Sự xuất hiện của nông nghiệp có thể gắn liền với việc khai phá các đồng bằng tré sau biển tiến. Quá trình dịch chuyển của các di tích Đông Đậu cũng có thể diễn ra theo chiều hướng giống với các di tích Phùng Nguyên, nhưng sự lan tỏa của các di tích Gò Mun lại diễn ra theo một chiều hướng khác, về vấn đề này xin trở lại ở một chuyên khảo khác.

Đối với các khu vực hạ châu thổ, hầu như chưa có di tích tiền Đông Sơn nào được phát hiện, các tỉnh thuộc khu vực này như Hưng Yên, Hải Dương, Hà Nam, Thái Bình thay vào đó là vết tích các bãi triều và các đầm ngập mặn đầy dứa nước và xù vẹt có niên đại tương đương với các văn hóa tiền Đông Sơn được phát hiện (Hoàng Ngọc Kỳ 2010; Nguyễn Việt 2010). Như vậy, trong giai đoạn tiền Đông Sơn các khu vực đó vẫn còn nằm trong vịnh biển. Đó là nguyên nhân của sự vắng mặt các di tích tiền Đông Sơn ở những khu vực này.

Nhưng từ dữ liệu đó khiến tác giả bài viết đặt một giả thuyết nghiên cứu khác đó là về nguồn gốc của văn hóa Phùng Nguyên. Theo Hoàng Ngọc Kỳ, trong lịch sử có một đợt biển tiến đột biến từ cao độ -2m lên +3,5m vào khoảng 4.000 năm trước và tồn tại cho đến 3.100 năm trước (Hoàng Ngọc Kỳ 2010). Trước 4000 năm khi mực nước biển còn thấp hơn mực nước hiện nay -2m, có thể đã từng có các di tích tiền Phùng Nguyên có thể đã từng tồn tại, nhưng sau đó do biển tiến nên buộc phải di chuyển lên vùng thượng châu thổ.

Những bằng chứng về khảo cổ học có thể nằm trong những đặc trưng của nhóm di tích Núi Lê, Núi Hồ nằm trong khu vực núi sót kéo dài theo hướng tây bắc - đông nam, nằm ở phía tây của huyện Vụ Bản, Nam Định. Mặc dù chưa có những cuộc khai quật khảo cổ tại đây để có thể chứng minh rõ ràng tính chất văn hóa, nhưng kết quả khảo sát đã cho thấy có những dấu ấn của giai đoạn Gò Bông ở những di tích này, cụ thể như sau:

- Di tích Núi Lê thuộc xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản, được phát hiện năm 1986. Di tích đã bị phá hủy nghiêm trọng, di vật thu lượm được trong di tích bao gồm cuốc và bôn có vai ngang, được mài toàn thân, tính chất đồ đá giống với nhóm đồ đá của Gò Mã Đổng, Quý Hợp. Đặc biệt về đồ gốm, ở đây có mặt loại gốm xốp màu xám bạc và loại gốm đen mặt ngoài được miết láng (Bùi Văn Tam 1987: 101; Bùi Vinh, Đào Quý Cảnh 1989: 32 - 35).

- Di tích Núi Hồ nằm trên một quả núi cao 52m, cách núi Lê khoảng 3km về phía nam. Đồ đá tồn tại cả hai loại rìu bôn có vai và rìu bôn tứ giác. Đồ gốm cũng phát hiện các mảnh gốm xốp; các mảnh gốm mịn, bên ngoài được miết láng và trang trí hoa văn hình chữ S, các loại hoa văn khắc vạch kết hợp in chấm, khắc vạch trên nền thừng giống Gò Bông, Đền Đồi (Đặng Công Nga và cộng sự 1988: 42; Bùi Vinh, Đào Quý Cảnh 1989; Nguyễn Quốc Hội 1998: 221).

Như vậy, có thể thấy ở những ngọn núi sót nổi cao ở hạ châu thổ sông Hồng có tồn tại những di tích có dấu ấn đậm nét của văn hóa Phùng Nguyên giai đoạn Gò Bông, đồng thời các di tích này còn mang cả dấu ấn của văn hóa Hạ Long, văn hóa Hoa Lộc. Có thể những di tích này có mối liên hệ chặt chẽ với các di tích tiền Phùng Nguyên mà giả thuyết trong bài viết này đặt ra.

Như vậy, ta thấy rằng dấu ấn của các di tích tiền Phùng Nguyên nằm trong sự liên hệ mờ hồ bởi những điểm tương đồng nhỏ về vật chất giữa giai đoạn Phùng Nguyên sớm với văn hóa Hạ Long, Mai Pha. Muộn hơn là sự liên hệ với các di tích Đầu Rằm, Mán Bạc, Cồn Chân Tiên, Hoa Lộc, Thạch Lạc có thể đến tận An Sơn (Long An). Liệu đã từng tồn tại các nền văn hóa hậu kỳ Đá mới tiền Phùng Nguyên, tổ tiên trực hệ của Phùng Nguyên có niên đại tương đương với Mai Pha, Hạ Long ở các vùng rìa của vịnh biển cổ có mối liên hệ mật thiết với Núi Lê, Núi Hồ, có mối quan hệ giao lưu với Mai Pha, Hạ Long, Mán Bạc nhưng do tác động của biển tiến, khu vực cư trú bị ảnh hưởng, chủ nhân của văn hóa đó mới di chuyển về nhiều khu vực khác nhau tạo ra Phùng Nguyên, Cồn Chân Tiên, để lại dấu ấn trong Hoa Lộc, Thạch Lạc, Đền Đồi...

Chú thích:

Bài viết này là kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học cấp trường Đại học - Khoa học Xã hội và Nhân văn.

TÀI LIỆU DẪN

- BÙI VĂN TAM 1987. Phát hiện đồ đá và đồ gốm ở hang Núi Lê (Hà Nam Ninh). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1986*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 101.
- BÙI VINH, ĐÀO QUÝ CẢNH 1989. Thêm những tài liệu mới về Núi Lê, Núi Hồ (Hà Nam Ninh). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1988*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 32 - 35.
- ĐẶNG CÔNG NGA, MAI CÔNG TRÚC, NGUYỄN XUÂN NĂM 1988. Nhóm di vật Núi Hồ. Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1987*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 42.
- ĐOÀN ĐÌNH LÂM, BOYD W.E., 2001 Một số dẫn liệu về mực nước biển trong Pleistocen muộn - Holocen tại vùng Hạ Long và Ninh Bình. Trong *Tạp chí các khoa học về Trái đất*: 86-91.
- HÀN VĂN KHÂN 2005. *Văn hóa Phùng Nguyên*. Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- HOÀNG NGỌC KỶ 2010. *Địa chất và môi trường địa từ Việt Nam*. Nxb. Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

- NGUYỄN QUỐC HỘI 1998. Phát hiện thêm một số công cụ Đá mới - Sơ kỳ Kim khí ở Núi Hồ (Vụ Bản, Nam Định). Trong *Những phát hiện mới về khảo cổ học năm 1998*. Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội: 221.
- NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG, HARUYAMA SHIGEKO, PHẠM VĂN HAI 2007. Thực vật thời đại Kim khí ở lưu vực sông Hồng qua kết quả phân tích bào tử - phấn hoa. Trong *Khảo cổ học*, số 3: 32 - 4.
- NGUYỄN VIỆT 2010. *Hà Nội thời tiền Thăng Long*. Nxb. Hà Nội.
- SUSUMU TANABE, YOSHIKI SAITO, QUANG LAN VU, TILL J.J. HANEBUTH, QUANG LAN NGO, AKIHISA KITAMURA 2006. Holocene evolution of the Song Hong (Red River) delta system, northern Vietnam. In *Sedimentary Geology* 187 pp. 29 - 61.
- TRẦN DỨC THẠNH 1991. Dẫn liệu về đợt hạ thấp mực biển vào cuối Holocen muộn ở vùng ven bờ Đông Bắc Việt Nam. Trong *Tài nguyên và môi trường biển*. Nxb. KHKT, Hà Nội.
- TRẦN VĂN BẢO, NGUYỄN LÂN CƯỜNG, VŨ THỂ LONG 1970. Động vật và thực vật ở Đồng Đậu. Trong *Khảo cổ học*, số 7- 8: 133- 139.
- ZHEN LI, YOSHIKI SAITO, EIJI MATSUMOTO, YONGJI WANG, SUSUMU TANABE, QUANG LAN VU 2006. Climate change and human impact on the Song Hong (Red River) delta, Vietnam, during the Holocene. In *Quaternary International*, Volume 144, Issue 1: 4 - 28.

RESIDENTIAL SPACIAL RELOCATION OF PHÙNG NGUYÊN- CULTURE INHABITANTS

HOÀNG VĂN DIỆP

The environment always plays a great significant role in the formation and development of a culture, especially a Prehistorical culture when humans were much dependent on the natural environment. The paper reviews the relocation of the Phùng Nguyên-culture inhabitants by considering the trend of the location and distribution of the sites according to their development stages. During the development process, the Phùng Nguyên-culture inhabitants tended to move from the upper delta to the lower Red River delta. In terms of topography and landscapes, there were the gradual relocations from high hillock to low hill - plain areas and eventually the occupation of the plain area. The number of the Phùng Nguyên sites also increased through the development stages and there was appearance of new cultural elements reflecting their adaptation to the new environment and living conditions. The paleo-ecological and geological data show the environmental changes in this period and their effects on the lives of the pre-and protohistorical inhabitants.

From the evidence of geology and paleontology, especially the archaeological data, the author refers to some assumptions: the first is the living environment and the adaption the Phùng Nguyên-culture inhabitants in the Red River Delta; the second is that the pre- Phùng Nguyên sites might have existed in the Red River Delta, but the sea-advance might have forced them to be relocated in the upper delta.